

Bản án số: 599/2018/DS-PT

Ngày: 20/6/ 2018

*V/v Tranh chấp quyền lợi bảo hiểm
trợ cấp nằm viện*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đắc Phú

Các Thẩm phán: 1/ Bà Nguyễn Thị Huyền
2/ Ông Phạm Hồng Giảng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Trang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Võ Thị Vĩnh Hưng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 692/2017/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp quyền lợi bảo hiểm trợ cấp nằm viện”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 287/2017/DSST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo ngày 02/10/2017.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2018/2018/QĐPT-DS ngày 07 tháng 5 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 377/2018/QĐ-PT ngày 29/5/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Kim N, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã PN, huyện C, Tỉnh LA.

Bị đơn: Công ty TNHH M(Việt Nam)

Địa chỉ trụ sở: đường H, Phường TP, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH M(Việt Nam): – Chức vụ:
Tổng Giám đốc.

Người đại diện ủy quyền của Công ty TNHH M(Việt Nam): Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1970 (Văn bản ủy quyền ngày 13/4/2016) (có mặt)

Bà Bùi Thị Mai T sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Số 75 H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: bị đơn Công ty TNHH M (Việt Nam).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 02 năm 2016, các Đơn khởi kiện bổ sung, nguyên đơn- Bà Đặng Thị Kim N trình bày:

Bà có tham gia hai hợp đồng bảo hiểm tại Công ty TNHH M(Việt Nam) như sau:

- Hợp đồng thứ 1: Số hợp đồng bảo hiểm 288040434-6 cấp ngày 30 tháng 6 năm 2012, hiệu lực ngày 28/6/2012; Sản phẩm bảo hiểm “Phúc thọ phu thê - Tri ân nghĩa vợ”; Số tiền bảo hiểm là 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng);

- Hợp đồng thứ 2: Số hợp đồng bảo hiểm 288046530-5 cấp ngày 08 tháng 10 năm 2012, hiệu lực ngày 22/9/2012; Sản phẩm bảo hiểm “ Phúc thọ phu thê - Tri ân nghĩa vợ”; Số tiền bảo hiểm là 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng).

Theo thỏa thuận của cả hai Hợp đồng bảo hiểm số 288040434-6 và số 288046530-5 về quyền lợi bảo hiểm trợ cấp nằm viện thì Công ty TNHH M(Việt Nam) trợ cấp tiền mặt mỗi ngày nằm viện (0,2%STBH) là 600.000đồng (Sáu trăm nghìn đồng), tối đa không quá 750 ngày cho đến 75 tuổi.

Sau khi giao kết hai Hợp đồng bảo hiểm số 288040434-6 và số 288046530-5, bà Đặng Thị Kim N đã nằm điều trị tại Bệnh viện Đa khoa Tỉnh LA, Trung tâm Y tế Huyện TH, Trung tâm Y tế Huyện VH. Tuy nhiên, Công ty TNHH M(Việt Nam) đã không thực hiện đúng như thỏa thuận tại hai Hợp đồng bảo hiểm số 288040434-6 và số 288046530-5 về việc trợ cấp tiền mặt nằm viện cho bà N mặc dù bà đã nộp đầy đủ các bằng chứng và chứng từ về việc nhập viện điều trị cho Công ty TNHH M (Việt Nam). Bà Đặng Thị Kim N cũng đã gửi đơn khiếu nại đến Bộ Tài Chính, Cục Quản lý Giám sát bảo hiểm thành phố Hà Nội về vấn đề này. Theo bà N trình bày: sau khi nhận đơn của bà, Bộ Tài Chính, Cục Quản lý Giám sát bảo hiểm thành phố Hà Nội đã có công văn yêu cầu Công ty TNHH M (Việt Nam) phải giải quyết quyền lợi bảo hiểm trợ cấp nằm viện cho bà, nhưng phía Công ty TNHH M (Việt Nam) vẫn không giải quyết nên bà gửi đơn khởi kiện Công ty TNHH M (Việt Nam) tại Tòa án nhân dân Quận B.

Tại phiên tòa, bà Đặng Thị Kim N có các yêu cầu như sau:

1/ Yêu cầu Công ty TNHH M (Việt Nam) phải thanh toán cho bà số tiền trợ cấp nằm viện tại các đợt điều trị nằm viện với tổng số tiền là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng)/ngày (cho cả hai Hợp đồng bảo hiểm số 288040434-6 và số 288046530-5) x 165 ngày = 198.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu đồng), cụ thể số ngày nằm viện chưa được thanh toán như sau:

1.1/ Số ngày nằm viện tại Trung tâm Y tế Huyện TH, Công ty TNHH M (Việt Nam) chưa chi trả là 69 ngày.

1.2/ Số ngày nằm viện tại Bệnh viện Đa khoa Tỉnh LA, Công ty TNHH M (Việt Nam) chưa chi trả là 55 ngày.

Đối với đợt điều trị này thì tại Đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 02 năm 2016, các Đơn khởi kiện bổ sung, Đơn yêu cầu, các Bản tự khai, các Biên bản hòa giải, bà Đặng Thị Kim N yêu cầu Công ty TNHH M (Việt Nam) phải chi trả cho bà số tiền của 16 ngày nằm viện. Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 08/9/2017, bà N rút lại 01 ngày, bà xác định chỉ yêu cầu chi trả 15 ngày đối với đợt nằm viện này.

1.3/ Số ngày nằm viện tại Trung tâm Y tế Huyện VH, Công ty TNHH M (Việt Nam) chưa chi trả là 41 ngày.

2/ Yêu cầu Công ty TNHH M (Việt Nam) phải thanh toán cho bà Đặng Thị Kim N hai khoản tiền lãi theo như Bảng kê lãi quá hạn đề ngày 18/7/2017 với mức lãi suất 1.125%/tháng, tổng cộng là 95.541.958 đồng bao gồm:

- Số tiền lãi do chậm thanh toán là 70.145.325 đồng.

- Số tiền kép lãi dồn là 25.396.633 đồng .

- Về mức lãi suất 20%/ năm: Bà Đặng Thị Kim N căn cứ vào khoản 20.3 Điều 20 của cả hai Hợp đồng bảo hiểm số 288040434-6 và số 288046530-5, và dựa vào mức lãi suất mà Công ty TNHH M (Việt Nam) áp dụng đối với bà trong trường hợp bà N đóng chậm phí bảo hiểm;

- Về thời điểm bắt đầu tính lãi: Bà Đặng Thị Kim N trình bày là do thời gian đã lâu nên bà không nhớ chính xác ngày bà nộp hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi trợ cấp nằm viện cho Công ty TNHH M (Việt Nam), nên bà tự xác định thời điểm bắt đầu tính lãi là sau 15 ngày kể từ ngày bà ra viện của từng đợt điều trị.

Bà Đặng Thị Kim N yêu cầu Công ty TNHH M(Việt Nam) phải thanh toán cho bà toàn bộ số tiền trợ cấp nằm viện là 198.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu đồng) và số tiền lãi 95.541.958 đồng, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong các Bản tự khai, các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn- Công ty TNHH M (Việt Nam), trình bày:

Công ty TNHH M (Việt Nam) xác nhận bà Đặng Thị Kim N có tham gia mua hai Hợp đồng bảo hiểm số 288040434-6 và số 288046530-5 theo như lời trình bày của phía nguyên đơn - bà Đặng Thị Kim N.

Công ty TNHH M (Việt Nam) xác nhận số ngày nằm viện bị từ chối chi trả quyền lợi bảo hiểm trợ cấp nằm viện theo các đợt điều trị là 165 ngày như bà Đặng Thị Kim N trình bày tại phiên tòa là đúng.

Lý do Công ty TNHH M(Việt Nam) từ chối yêu cầu của bà N về việc yêu cầu Công ty TNHH M(Việt Nam) phải chi trả quyền lợi bảo hiểm trợ cấp nằm viện cho bà đối với 165 ngày nêu trên như sau:

Xét thấy không cần thiết về mặt y khoa, không cần thiết phải điều trị nội trú theo quy định tại khoản 17.4 Điều 17 của cả hai Hợp đồng bảo hiểm số 288040434-6 và số 288046530-5 về các trường hợp loại trừ thêm đối với quyền lợi trợ cấp nằm viện và căn cứ vào định nghĩa cần thiết về mặt y khoa tại Điều 1 của cả hai Hợp đồng bảo hiểm số 288040434-6 và số 288046530-5 mà các bên đã thỏa thuận và ký kết hợp đồng;

Ngoài ra, việc bà N cứ sau mỗi đợt điều trị tại bệnh viện, bà N nghỉ ở nhà vài ngày rồi lại tiếp tục nhập viện điều trị. Sự việc này diễn ra liên tục nên Công ty TNHH M (Việt Nam) cho rằng đây là một hình thức tĩnh dưỡng, điều trị an dưỡng tại bệnh viện thuộc trường hợp loại trừ theo quy định tại khoản 17.4 Điều 17 của cả hai Hợp đồng bảo hiểm số 288040434-6 và số 288046530-5.

Công ty TNHH M (Việt Nam) cho rằng việc từ chối chi trả quyền lợi trợ cấp nằm viện là hoàn toàn có cơ sở nên cũng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Công ty TNHH M (Việt Nam) yêu cầu thành lập Hội đồng y khoa để trung cầu giám định phương thức và thời gian điều trị đối với các bệnh thông thường mà bà N đã được điều trị.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng Thị Kim N, cụ thể:

[1.1] Công ty TNHH M (Việt Nam) phải thanh toán cho bà Đặng Thị Kim N số tiền chi trả Quyền lợi bảo hiểm trợ cấp nằm viện tại các đợt điều trị nằm viện với tổng số tiền là 1.200.000đồng/ngày (Hợp đồng bảo hiểm số 288040434-6 là 600.000đồng/ngày và Hợp đồng bảo hiểm số 288046530-5 là 600.000đồng/ngày) x 165 ngày = 198.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu đồng).

[1.2] Công ty TNHH M (Việt Nam) phải thanh toán cho bà Đặng Thị Kim N số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ chi trả Quyền lợi bảo hiểm trợ cấp nằm viện là 45.499.200đồng (Bốn mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn hai trăm đồng).

Tổng cộng số tiền bị đơn-Công ty TNHH M (Việt Nam) phải thanh toán cho nguyên đơn- bà Đặng Thị Kim N là 243.499.200đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn hai trăm đồng).

[1.3] Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đặng Thị Kim N về việc tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ chi trả Quyền lợi bảo hiểm trợ cấp nằm viện, cụ thể số tiền lãi không được chấp nhận là 50.042.758đồng (Năm mươi triệu không trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được cách giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận xét việc Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng đủ thủ tục tố tụng được quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Đặng Thị Kim N và Công ty TNHH M(Việt Nam) có giao kết các Hợp đồng bảo hiểm như sau:

- Hợp đồng thứ 1: Số hợp đồng bảo hiểm 288040434-6 cấp ngày 30 tháng 6 năm 2012, hiệu lực ngày 28/6/2012; Sản phẩm bảo hiểm “Phúc thọ phu thê - Tri ân nghĩa vợ”; Số tiền bảo hiểm là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng);

- Hợp đồng thứ 2: Số hợp đồng bảo hiểm 288046530-5 cấp ngày 08 tháng 10 năm 2012, hiệu lực ngày 22/9/2012; Sản phẩm bảo hiểm “Phúc thọ phu thê - Tri ân nghĩa vợ”; Số tiền bảo hiểm là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Xét cả hai Hợp đồng bảo hiểm số 288040434-6 và số 288046530-5 nêu trên đều được hai bên giao kết tự nguyện, không trái các quy định của pháp luật, vi phạm đạo đức xã hội nên có giá trị ràng buộc về quyền và nghĩa vụ của hai bên.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự thống nhất trình bày một số nội dung như sau:

[2.1] Số ngày nằm viện tại Trung tâm Y tế Huyện TH, chưa chi trả là 69 ngày .

[2.2] Số ngày nằm viện tại Bệnh viện Đa khoa Tỉnh LA, chưa chi trả là 55 ngày.

[2.3] Số ngày nằm viện tại Trung tâm Y tế Huyện VH, chưa chi trả là 41 ngày.

[3] Xét lý do Công ty TNHH M (Việt Nam) từ chối chi trả quyền lợi bảo hiểm trợ cấp nằm viện đối với 165 ngày nêu trên theo yêu cầu của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Căn cứ quy định tại khoản 17.4 Điều 17 của cả hai Hợp đồng bảo hiểm số 288040434-6 và số 288046530-5 về các trường hợp loại trừ thêm đối với quyền lợi trợ cấp nằm viện và căn cứ vào định nghĩa cần thiết về mặt y khoa

tại Điều 1 của cả hai Hợp đồng bảo hiểm số 288040434-6 và số 288046530-5 mà các bên đã thỏa thuận và ký kết hợp đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy không có một nội dung nào tại các điều khoản nêu trên quy định rõ các loại bệnh của bà N được thể hiện trong các hồ sơ bệnh án do Trung tâm Y tế Huyện TH, Trung tâm Y tế Huyện VH, Bệnh viện Đa khoa Tỉnh LA cung cấp thuộc trường hợp loại trừ đối với quyền lợi trợ cấp nằm viện. Ngoài căn cứ nêu trên, Công ty TNHH M (Việt Nam) không đưa ra được chứng cứ chứng minh đối với nội dung không cần thiết về mặt y khoa.

[3.2] Đối với yêu cầu thành lập Hội đồng y khoa để trưng cầu giám định phương thức và thời gian điều trị đối với các bệnh thông thường mà bà N đã được điều trị của Công ty TNHH M (Việt Nam), Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn - Công ty TNHH M (Việt Nam). Bởi lẽ, căn cứ vào các quy định tại Điều 73 và Điều 74 Luật Khám bệnh, Chữa bệnh năm 2009 thì chỉ thành lập Hội đồng chuyên môn khi có yêu cầu giải quyết tranh chấp về khám bệnh, chữa bệnh khi xảy ra tai biến đối với người bệnh để xác định có hay không có sai sót chuyên môn kỹ thuật.

[3.3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy các lý do mà phía bị đơn - Công ty TNHH M (Việt Nam) đưa ra để từ chối chi trả quyền lợi bảo hiểm trợ cấp nằm viện đối với 165 ngày theo yêu cầu của bà N là không có cơ sở chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Bà N về việc Công ty TNHH M (Việt Nam) phải thanh toán cho bà số tiền trợ cấp nằm viện tại các đợt điều trị nằm viện với tổng số tiền là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng)/ngày (cho cả hai Hợp đồng bảo hiểm số 288040434-6 và số 288046530-5) x 165 ngày = 198.000.000 đồng .

[4] Đối với yêu cầu Công ty TNHH M (Việt Nam) phải thanh toán cho bà N hai khoản tiền lãi theo như Bảng kê lãi quá hạn đề ngày 18/7/2017 với mức lãi suất 1.125%/tháng, tổng cộng là 95.541.958 đồng tính đến ngày 16/8/2017.

Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu tính lãi đối với thời gian trả chậm của số tiền là 198.000.000 đồng, là tiền trợ cấp nằm viện của 165 ngày nêu trên. Tuy nhiên, mức lãi suất và thời điểm tính lãi theo yêu cầu của bà N là chưa chính xác. Căn cứ vào khoản 20.3 Điều 20 của hai Hợp đồng bảo hiểm số 288040434-6 và số 288046530-5, cần điều chỉnh lại như sau: Sau 30 ngày kể từ ngày Công ty TNHH M (Việt Nam) nhận được đầy đủ các bằng chứng và chứng từ về các đợt điều trị với mức lãi suất là 0,75%/tháng - lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cụ thể được điều chỉnh

[4.1] Tổng số tiền lãi của các đợt điều trị tại Trung tâm Y tế Huyện TH là: 20.043.900 đồng .

[4.2] Tổng số tiền lãi của các đợt điều trị tại Bệnh viện Đa khoa Tỉnh LA là: 16.363.200 đồng .

[4.3] Tổng số tiền lãi của các đợt điều trị tại Trung tâm Y tế Huyện VH là 9.092.100 đồng .

Như vậy, tổng số tiền lãi của 165 ngày nằm viện chưa được chi trả, được Hội đồng xét xử xét chấp nhận là: 45.499.200 đồng .

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Bản án sơ thẩm xét xử có căn cứ, đúng pháp luật do đó cần phải giữ nguyên.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn- Công ty TNHH M(Việt Nam) phải chịu án phí dân sự đối với phần yêu cầu của nguyên đơn- bà Đặng Thị Kim N được Hội đồng xét xử chấp nhận là: 243.499.200 đồng. Do đó, bị đơn- Công ty TNHH M(Việt Nam) phải chịu án phí dân sự là 12.174.960 đồng .

Nguyên đơn- bà Đặng Thị Kim N phải chịu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu tính lãi không được Hội đồng xét xử chấp nhận: 95.541.958 đồng – 45.499.200 đồng = 50.042.758 đồng. Do đó, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.502.138 đồng.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 7, Điều 12, Điều 17, Điều 29 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000, sửa đổi bổ sung năm 2010;
- Căn cứ vào Điều 73 và Điều 74 Luật Khám bệnh, Chữa bệnh năm 2009;
- Căn cứ vào Điều 305, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ Pháp lệnh án phí và lệ phí năm 2009; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH M(Việt Nam). Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 287/2017/DS-ST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng Thị Kim N, cụ thể:

[1.1] Công ty TNHH M(Việt Nam) phải thanh toán cho bà Đặng Thị Kim N số tiền chi trả Quyền lợi bảo hiểm trợ cấp nằm viện tại các đợt điều trị nằm viện với tổng số tiền là 1.200.000 đồng/ngày (Hợp đồng bảo hiểm số 288040434-6 là 600.000 đồng/ngày và Hợp đồng bảo hiểm số 288046530-5 là 600.000 đồng/ngày) x 165 ngày = 198.000.000 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu đồng).

[1.2] Công ty TNHH M (Việt Nam) phải thanh toán cho bà Đặng Thị Kim N số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ chi trả Quyền lợi bảo hiểm trợ cấp nằm viện là 45.499.200 đồng (Bốn mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi chín ngàn hai trăm đồng).

Tổng cộng số tiền bị đơn - Công ty TNHH M (Việt Nam) phải thanh toán cho nguyên đơn - bà Đặng Thị Kim N là 243.499.200 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu bốn trăm chín mươi chín ngàn hai trăm đồng) .

[1.3] Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Đặng Thị Kim N về việc tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ chi trả Quyền lợi bảo hiểm trợ cấp nằm viện, cụ thể số tiền lãi không được chấp nhận là 50.042.758 đồng (Năm mươi triệu không trăm bốn mươi hai ngàn bảy trăm năm mươi tám đồng).

3. Trong trường hợp bị đơn – Công ty TNHH M (Việt Nam) chậm thi hành khoản tiền trên thì Công ty TNHH M (Việt Nam) phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ Luật dân sự năm 2015 cụ thể: lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn-Công ty TNHH M (Việt Nam) phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn- bà Đặng Thị Kim N được chấp nhận là 12.174.960 đồng (Mười hai triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn chín trăm sáu mươi đồng), thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Nguyên đơn - bà Đặng Thị Kim N phải chịu án phí đối với phần yêu cầu tính lãi không được Hội đồng xét xử chấp nhận là 2.502.138 đồng (Hai triệu năm trăm linh hai nghìn một trăm ba mươi tám đồng), được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.127.500 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AD/2014/0009110 ngày 21/3/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên được nhận lại số tiền là 625.362 đồng (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng).

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty TNHH M (Việt Nam) phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0024546 ngày 3/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi,

bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận B;
- Chi cục THADS Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đắc Phú

